

Bản án số: 15/2020/KDTM-PT

Ngày: 30/9/2020.

V/v: “Tranh chấp

Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thu Hương;

Ông Trương Quốc Văn.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 08/2020/TLPT-KDTM ngày 30/7/2020 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” do bản án số 02/2020/KDTM-ST ngày 22/6/2020 Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐ-PT ngày 20/8/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam.

Địa chỉ: Số 108 Đ, Quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê B - Phó Giám đốc và ông Lê Chiến T - Phó Phòng tổng hợp - Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Q, 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở: SN 533 T, phường S, thành phố Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Thị Hoài T - Văn Phòng Luật sư P - Đoàn Luật sư Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần N, 1986.

Địa chỉ: Số nhà 533 Nguyễn Trãi, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Có mặt đại diện Ngân hàng; ông Q, bà N và Luật sư.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam (V) trình bày:*

Ngày 04/7/2018, Ngân hàng V - Chi nhánh Thanh Hóa và ông Nguyễn Q ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 18108026/2018-HĐCVHM/NHCT420 với nội dung: Số tiền cho vay 2.500.000.000đ; thời hạn giải ngân từ ngày 04/7/2018 đến hết 29/6/2019; mục đích vay: Kinh doanh chăn nuôi lợn; thời hạn cho vay trên từng giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng; lãi suất cho vay trên từng khoản nợ theo thông báo của Ngân hàng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Ngân hàng đã giải ngân tổng số tiền cho vay 2.494.000đ, cụ thể:

- + Giấy nhận nợ ngày 12/11/2018, số tiền vay: 435.000.000đ;
- + Giấy nhận nợ ngày 13/11/2018, số tiền vay: 400.000.000đ;
- + Giấy nhận nợ ngày 16/11/2018, số tiền vay: 400.000.000đ;
- + Giấy nhận nợ ngày 19/11/2018, số tiền vay: 460.000.000đ;
- + Giấy nhận nợ ngày 23/11/2018, số tiền vay: 380.000.000đ;
- + Giấy nhận nợ ngày 28/11/2018, số tiền vay: 419.000.000đ.

Khi đến hạn các khoản vay, ông Q không trả được nợ gốc, lãi với lý do dịch tả lợn Châu Phi, ông Q có văn bản đề nghị và cam kết sẽ dùng toàn bộ số tiền được nhà nước hỗ trợ tiêu hủy lợn để trả nợ cho Ngân hàng, do đó ông Q đã được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ thêm 06 tháng, số dư nợ đề nghị cơ cấu lại là 2.082.937.906đ.

Hết thời hạn cơ cấu lại nợ, ông Q vẫn không trả được nợ, số tiền được nhà nước hỗ trợ cũng không trả cho Ngân hàng, mặc dù đã được đôn đốc nhiều lần, do đó Ngân hàng có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Q và vợ là bà Trần N phải trả số nợ gốc tính đến ngày 22/6/2020 là: 2.082.937.906đ, nợ lãi trong hạn: 132.213.298đ, nợ lãi quá hạn: 56.942.205đ. Tổng cộng: 2.272.093đ (Hai tỷ, hai trăm bảy hai triệu, không trăm chín ba đồng).

Trường hợp ông Q, bà N không thanh toán hết nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý sản phẩm bảo đảm cho khoản vay gồm:

Quyền sử dụng đất 25.191m² và tài sản trên đất tại thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 699540, số vào sổ cấp GCN: CH 01304/9367/QĐ-UBND, UBND huyện H cấp ngày 01/12/2015 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 18108026/2018/HĐBĐ/NHCT420 ngày 04/07/2018 giữa Ngân hàng V - Chi nhánh Thanh Hoá với ông Nguyễn Q, bà Trần N.

** Tại đơn đề nghị ngày 11/5/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Nguyễn Q và bà Trần N trình bày:*

Ông Q và bà N công nhận số tiền còn nợ như Ngân hàng khởi kiện, do làm ăn khó khăn và dịch bệnh, Ngân hàng chưa tạo điều kiện cho khách hàng lúc gặp khó khăn, đề nghị Ngân hàng xem xét giãn thời gian trả nợ 36 - 60 tháng và đề nghị miễn lãi suất. Về tài sản thế chấp ông Q, bà N không có ý kiến gì, một số tài sản ông, bà xây thêm và kê ao trên khu đất là tài sản chung của vợ chồng. Ông bà mong muốn giữ lại tài sản để tiếp tục kinh doanh.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 22/6/2020 Tòa án nhân dân huyện H đã Quyết định:

Áp dụng: Điều 116; 117; 275; 280; 295; 298; 299; 319; 357; 463; 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; điểm a khoản 1, khoản 3 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo; Chấp nhận đơn của Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam.

1. Buộc ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị Ánh N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam số tiền nợ gốc tính đến ngày 22/6/2020 là: 2.082.937.906đ, nợ lãi trong hạn: 132.213.298đ, nợ lãi quá hạn: 56.942.205đ. Tổng cộng: 2.272.093.409đ (*Hai tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, không trăm chín ba nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng*).

2. Trường hợp ông Q, bà N không trả được nợ, Ngân hàng thương mại Cổ phần C Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất 25.191m² tại thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 699540, số vào sổ cấp GCN: CH 01304/9367/QĐ-UBND, do UBND huyện H cấp ngày 01/12/2015 mang tên ông Nguyễn Q và bà Trần N.

Tài sản trên đất: 01 nhà Điều hành, diện tích xây dựng 94,5m² kết cấu tường chịu lực mái tôn lợp xộp; 01 nhà ở công nhân diện tích 60m²; 01 nhà kho diện tích 103,5 m² kết cấu tường chịu lực mái tôn lợp xộp; 01 bể nước 80,75m² kết cấu bê tông cốt thép; 01 Trạm biến áp 100KV; 04 khu chuồng trại chăn nuôi, diện tích xây dựng 1728m² kết cấu tường chịu lực mái tôn lợp xộp; tường rào bao quanh 03 bên khu đất và một số cây cối nhỏ lẻ, ao kê phát sinh sau khi thế chấp của ông Q và bà Nguyệt.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản không đủ trả nợ thì ông Q, bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Buộc ông Q và bà N phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần C Việt Nam lệ phí thẩm định tài sản do Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền là: 3.000.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, ông Nguyễn Q có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với nội dung:

-Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các chính sách của nhà nước về việc

miễn, giảm, cơ cấu nợ cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu phi và dịch covid;

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa định giá tài sản để xác định tài sản nào dùng thế chấp, tài sản nào mới phát sinh làm xâm hại đến lợi ích của người khác;

- Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi chưa đúng, cụ thể: Theo Hợp đồng cho vay hạn mức 18108026/2018-HĐCVHM/NHC420 ngày 04/7/2018 và Thông báo ngày 29/6/2018 thì mức lãi suất tại thời điểm giải ngân là 6,5% và được điều chỉnh hàng tháng. Đơn khởi kiện của Ngân hàng kê khai 03 mức lãi là: 6,5%, 9,5% và 9,3% cho từng khoản vay kể từ tháng 11/2018 đến nay và Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lãi 9,1% là chưa hợp lý.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, buộc Ngân hàng V áp dụng các ưu đãi miễn giảm nợ, cơ cấu lại nợ và cho gia đình được tiếp tục vay để sản xuất theo chủ trương của Chính Phủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không rút kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm và buộc bị đơn chịu án phí phúc thẩm theo quy định (có Bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 04/7/2018, giữa Ngân hàng V - Chi nhánh Thanh Hóa với ông Nguyễn Q ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 18108026/2018-HĐCVHM/NHCT420, theo đó Ngân hàng sẽ cho ông Q vay số tiền tối đa là 2.500.000.000đ (giải ngân từng lần) để kinh doanh chăn nuôi lợn. Việc giao kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở hai bên đều có mục đích lợi nhuận, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại là đúng. Sau khi xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Q kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Luật sư của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa, mời đại diện Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa tham

gia tổ tụng, để làm rõ các quy định liên quan đến chính sách hỗ trợ cho Doanh nghiệp vay vốn bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng V - Chi nhánh Thanh Hóa đã xuất trình Công văn số 1278/THH1 ngày 29/9/2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa trả lời V - Chi nhánh Thanh Hóa, đã nêu đầy đủ về áp dụng lãi suất; chấm dứt lãi ưu đãi và việc hỗ trợ cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi đối với ông Nguyễn Q, do đó việc mời đại diện Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa đến phiên tòa là không cần thiết.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét các chính sách về việc cơ cấu lại nợ và miễn, giảm lãi đối với doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi và dịch covid, thấy rằng:

[2.1] Về thực hiện chính sách cơ cấu nợ đối với doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh:

Tại khoản 1 Điều 12, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn quy định:

“Trường hợp khách hàng chưa trả được nợ đúng hạn.... do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, Tổ chức tín dụng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng; đồng thời căn cứ vào tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng để xem xét cho vay mới nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất, thực hiện trả nợ cũ và nợ mới cho Tổ chức tín dụng”.

Theo Thông tư số 09/2014/TT-NHNN quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ quy định khi khách hàng đáp ứng đủ các điều kiện như: *“khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh, dịch vụ; việc thực hiện cơ cấu lại nợ, thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định chỉ được thực hiện 01 lần...”*

Tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015 và Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24/10/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam đều quy định việc cơ cấu lại nợ do Tổ chức tín dụng đánh giá đối với khách hàng.

Trong thời điểm nước ta bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi, thực hiện Chỉ thị của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, ngày 28/3/2019, Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa đã có công văn số 239/THH1 chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa rà soát, tổng hợp tình hình thiệt hại của các khách hàng đang vay vốn do dịch tả lợn Châu Phi gây ra và áp dụng các biện pháp: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét miễn, giảm lãi vay, tiếp tục cho vay mới khôi phục sản xuất sau khi kết thúc dịch và thực hiện xử lý nợ theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015; Nghị định 116/NĐ-CP ngày 07/9/2018; Thông tư 10/2015/TT-NHNN và Thông tư 25/TTNHNN ngày 24/10/2018.

Ngày 22/5/2019, ông Nguyễn Q có “Giấy cam kết” đề nghị Ngân hàng V - Chi nhánh Thanh Hóa gia hạn các khoản nợ gốc thêm 06 tháng và cam kết sẽ dùng toàn bộ khoản tiền được nhà nước hỗ trợ để trả cho Ngân hàng, sau khi dịch bệnh qua đi sẽ đề nghị Ngân hàng tiếp tục hỗ trợ vay vốn để tái đàn. Theo đó ông Q đã được Ngân hàng V - Chi nhánh Thanh Hóa cơ cấu lại nợ (gia hạn trả nợ thêm 06 tháng), dư nợ tại thời điểm cơ cấu lại nợ là 2.082.937.906đ. Tuy nhiên, ngày 10/7/2019, ông Q đã được nhận số tiền nhà nước hỗ trợ tiêu hủy lợn là 1.343.702.200đ, nhưng không sử dụng để trả nợ cho Ngân hàng và đến hết thời gian cơ cấu nợ, bên vay vẫn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi. Như vậy đối với các khoản nợ cũ, ông Q đã được cơ cấu nợ 01 lần và không được cơ cấu lại lần thứ hai.

[2.2] Về yêu cầu cho vay mới:

Tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 25/2015/TT-NHNN ngày 24/10/2018 của NHNN Việt Nam hướng dẫn về điều kiện cho vay mới: “*...Khách hàng phải có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi ...*”. Tuy nhiên, ông Q không có phương án sản xuất kinh doanh khả thi, không có xác nhận đủ điều kiện tái đàn và tiếp tục chăn nuôi sau khi hết dịch. Do đó ông Q không đủ điều kiện để Ngân hàng cho vay mới theo quy định của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước. Mặt khác, việc quyết định cho vay mới hay không thuộc thẩm quyền của Ngân hàng V Việt Nam không thuộc phạm vi xét xử của vụ án mà Tòa án đang giải quyết.

[2.3] Về việc khoan nợ, xóa nợ:

Tại khoản 2 Điều 12, Nghị định 116/2018/Đ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP và Thông tư số 10/2015/NHNN có quy định phải được Tổ chức tín dụng đánh giá, được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Q ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài Chính xem xét việc khoan nợ và phải có Hồ sơ đề nghị khoan nợ theo quy định và do Chính phủ xem xét. Đối với ông Nguyễn Q không thuộc đối tượng được UBND tỉnh đề nghị và không có hồ sơ đề nghị nên không được khoan nợ, xóa nợ theo quy định.

[2.4] Về yêu cầu được miễn lãi, giảm lãi:

Theo bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng V Việt Nam số tiền gốc là: 2.082.937.906đ; tiền lãi trong hạn tính đến ngày 22/6/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 132.213.298đ; tiền lãi quá hạn là: 56.942.205đ. Tổng cộng: 2.272.093.409đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư và bị đơn không thắc mắc về cách tính cũng như kết quả lãi đã tính, mà chỉ cho rằng khi cơ cấu lại nợ, Ngân hàng áp dụng biên độ tính lãi 4% đối với ông Q là không đúng và đề nghị áp dụng biên độ là 3,5%, đồng thời đề nghị Ngân hàng miễn lãi, giảm lãi cho ông Q do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại Quyết định số 2184/2012/QĐ-HĐQT-NHCT3 ngày 29/12/2012 của Ngân hàng V Việt Nam quy định điều kiện để được giảm, miễn lãi : “... khách hàng phải có thiện chí trả nợ và có kế hoạch khả thi trả số nợ còn lại sau khi được miễn, giảm lãi ...” và chỉ áp dụng đối với khách hàng không có nguồn thu và không có tài sản bảo đảm”, đồng thời phải có Hồ sơ đề nghị miễn, giảm lãi theo quy định. Tuy nhiên, do ông Q đã vi phạm cam kết, không có thiện chí trả nợ (không sử dụng số tiền được nhà nước hỗ trợ tiêu hủy lợn để trả nợ cho Ngân hàng), đồng thời không có kế hoạch cụ thể để trả nợ, do đó ông Q không thuộc đối tượng được miễn giảm lãi theo quy định.

Về biên độ tính lãi, tại Hợp đồng tín dụng số 18108026/2018-HĐCVHM/NHCT420 ngày 04/7/2018 (điểm ii, mục a, Điều 2.01) có ghi: “Lãi suất của các khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào là lãi suất năm và bằng tổng lãi suất cơ sở + biên độ 4%/năm” (BL20).

Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khi cơ cấu lại nợ phải tuân thủ sự thỏa thuận của 02 bên, việc Ngân hàng C - Chi nhánh Thanh Hóa tính biên độ 4% đối với các khoản vay của ông Q tại thời điểm cơ cấu lại nợ là phù hợp với các Thông báo lãi suất từng thời kỳ của Ngân hàng V Việt Nam đã có trong hồ sơ. Nội dung này đã được Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa giải đáp tại Công văn số 1278/THH1 ngày 29/9/2020 (BL345-346). Do đó nội dung trình bày của Luật sư không có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Về yêu cầu được xem xét chính sách đối với doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch covid:

Tại Công văn số 1068/TGD-NHCT9 ngày 28/2/2020 của Ngân hàng V Việt Nam về việc hướng dẫn triển khai giải pháp, tháo gỡ khó khăn hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng dịch covid, chỉ áp dụng đối với khách hàng có dư nợ gốc là lãi đến kỳ trả nợ trong khoảng thời gian từ 23/01/2020 đến 31/3/2010.

Tháng 3/2019 ông Q đã dừng hoạt động sản xuất kinh doanh nuôi lợn, tháng 4-5/2019 đàn lợn đã bị tiêu hủy, tháng 7/2019 đã được nhận tiền hỗ trợ, đến tháng 12/2019 dịch covid mới xuất hiện tại Việt Nam, do đó việc ông Q kháng cáo yêu cầu bên cho vay áp dụng các chính sách hỗ trợ do bị ảnh hưởng bởi dịch covid là không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Từ các phân tích trên, Tòa án sơ thẩm đã xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/6/2020) với tổng số tiền 2.272.093.490đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với bà Trần N không trực tiếp tham gia ký Hợp đồng tín dụng cùng với ông Q, tuy nhiên bà Nxác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng và đồng ý cùng ông Q chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên chấp nhận.

[3] Xét nội dung kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa định giá tài sản để xác định tài sản thế chấp và tài sản nào mới phát sinh làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp.

[3.1] Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 18108026/HĐĐB/NHCT420 ngày 4/7/2018, các bên đã thống nhất toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số CB699540 ngày 01/12/2015 mang tên ông Nguyễn Q và bà Trần N là tài sản thế chấp, tại mục 2.04, Điều 2 của hợp đồng này có ghi: “... Mọi tài sản gắn liền với đất trước, trong, sau khi thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp ... hoặc tài sản được đầu tư cải tạo xây thêm hay cho phép bên thứ ba đầu tư, cải tạo xây mới đều là tài sản thế chấp...”.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/6/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định tài sản trên đất gồm 07 hạng mục, ngoài ra còn có một số cây cối tài sản nhỏ lẻ khác, tất cả đều do vợ chồng ông Q, bà Ánh xây dựng (BL118). Do đó trong trường hợp bên vay không trả nợ, hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá tài sản gắn liền với đất để đảm bảo việc thu hồi nợ theo quy định.

Đối với yêu cầu định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án là không cần thiết mà sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, việc định giá tài sản sẽ do Cơ quan thi hành án thực hiện theo Luật Thi hành án dân sự.

[3.2] Tại phiên tòa, Luật sư của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi giá trị quyền sử dụng đất 25.191m² là không đúng, vì đất của hộ ông Q bà Nchỉ được nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Theo Luật đất đai 2013 thì trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất thu tiền hàng năm được “*Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê tại Tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam, tại Tổ chức kinh tế khác, hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật*” (điểm đ khoản 2 Điều 179). Theo GCNQSDĐ, ông Nguyễn Q được UBND huyện H cho thuê đất trả tiền hàng năm (BL62), do đó ông Q chỉ có quyền thế chấp tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho các khoản vay với Ngân hàng. Tuy nhiên, trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm (mục 2) tuyên trường hợp ông Q, bà N không trả được nợ Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mãi bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất 2.191m² tại thôn N, xã P, huyện H là không đúng, do đó cần sửa lại lời tuyên cho chính xác.

[4] Về án phí:

Theo quy định tại tiểu mục 2.2, mục 2, khoản II, Phần A, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 thì mức thu tạm ứng án phí phúc thẩm đối với vụ án Kinh doanh thương mại là 2.000.000đ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ Thông báo cho ông Q nộp tạm ứng án phí kháng cáo 300.000đ là không đúng. Ngày 01/9/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo số 02/TB-TA cho ông Q nộp bổ sung số tiền tạm ứng án phí là 1.700.000đ, (nội dung này VKSND tỉnh Thanh Hóa đã có văn bản kiến nghị là đúng). Do đó cần nhắc nhở Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong việc tính tiền tạm ứng án phí kháng cáo đối với đương sự cho đúng.

Tại cấp phúc thẩm, do bản án sơ thẩm bị sửa một phần, do đó ông Nguyễn Q không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 468; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Q, sửa một phần bản án sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 22/6/2020 Tòa án nhân dân huyện H.

1. Buộc ông Nguyễn Q và bà Trần N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam số nợ gốc là: 2.082.937.906đ và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (22/6/2020) gồm: Nợ lãi trong hạn: 132.213.298đ; nợ lãi quá hạn: 56.942.409đ.

Tổng gốc + lãi là: 2.272.093.409đ (Hai tỷ hai trăm bảy hai triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm lẻ chín đồng) .

2. Sau ngày 22/6/2020, ông Nguyễn Q và bà Trần N phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc chưa trả theo Hợp đồng tín dụng số 18108026/2018-HĐCVHM/NHCT420 ngày 04/7/2018 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bên có quyền yêu cầu có đơn yêu cầu và được Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu ông Q, bà N không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trường hợp ông Nguyễn Q, bà Trần N không trả nợ, hoặc trả không đầy đủ số tiền trên, Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá theo quy định của pháp luật đối với toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 25.191m² tại thửa số 48A, tờ bản đồ 08 xã P, đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB699540 ngày 01/12/2015 mang tên ông

Nguyễn Q và bà Trần N, địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để đảm bảo thu hồi nợ.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; tiểu mục 2.2, mục 2, khoản II, Phần A, Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết:

Hoàn trả cho ông Nguyễn Q số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại 2.000.000đ đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0005754 ngày 28/7/2020 và Biên lai thu số AA/2017/0005791 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng TCTTr&TĐKT TAND tỉnh T.Hóa;
- VKSND huyện H;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh

